

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 4 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng

Bà Huỳnh Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: (Không tham gia)

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thanh N, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà S, khóm M, phường B, thành phố V, tỉnh Vinh Long

Nơi đang cư trú: số nhà T, ấp H, xã M1, huyện M2, tỉnh Vinh Long

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà S, khóm M, phường B, thành phố V, tỉnh Vinh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thanh N trình bày:

Bà N và ông Lê Hoàng P đăng ký kết hôn ngày 09/6/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do thiếu sự

quan tâm nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Bà N nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, yêu cầu ly hôn với ông P.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng Trâm A, sinh ngày 02/8/2012; Lê Hoàng Nhựt A, sinh ngày 23/6/2017. Bà N yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng con chung.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn Lê Hoàng P: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông P gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên hòa giải được do ông P vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến trình bày. Bị đơn có mặt đồng ý thuận tình ly hôn với bà N nhưng con chung thì yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Nhựt A, không yêu cầu bà N cấp dưỡng; giao bà N nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Trâm A, ông P không cấp dưỡng cháu Trâm A; tài sản chung, nợ chung đồng ý như ý kiến bà N trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N là người có quyền khởi kiện ông P tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Mâu thuẫn vợ chồng bà N, ông P theo cả hai trình bày do bất đồng trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm nhau, đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P đồng ý thuận tình ly hôn với bà N.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà N, ông P không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn tình cảm thương yêu, không mong muốn chung sống cùng nhau. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra được giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà N về việc ly hôn với ông P.

[3] Con chung: Bà N yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Hoàng Trâm A, sinh ngày 02/8/2012; Lê Hoàng Nhựt A, sinh ngày 23/6/2017; không yêu cầu ông P cấp dưỡng con chung. Ông P thì yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nhựt A, không yêu cầu bà N cấp dưỡng con chung và giao bà N nuôi dưỡng cháu Trâm A, ông P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cháu Trâm A.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà N và ông P cùng trình bày khi bà N mang thai cháu Nhựt A được 03 tháng thì ông P chấp hành án phạt tù thời hạn 07 năm.

Suốt thời gian qua, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhựt A. Ông P vừa chấp hành án xong, không nghề nghiệp ổn định, không đảm bảo các điều kiện tốt cho việc nuôi dưỡng con chung. Ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà N không đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng cháu Nhựt A. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của ông P, cần giao bà N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhựt A nhằm tránh sự xáo trộn, đảm bảo được sự ổn định cuộc sống cùng các điều kiện phát triển về thể chất, tinh thần của cháu Nhựt A.

Riêng cháu Lê Hoàng Trâm A trình bày ý kiến với Tòa án có nguyện vọng sống cùng bà N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trâm A. Bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng hai con chung nên ông P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hai con chung.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Án phí: Buộc bà N nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh N.

Bà Lê Thanh N và ông Lê Hoàng P ly hôn với nhau.

Con chung: Buộc ông Lê Hoàng P giao bà Lê Thanh N nuôi dưỡng hai con chung tên Lê Hoàng Trâm A, sinh ngày 02/8/2012; Lê Hoàng Nhựt A, sinh ngày 23/6/2017. Ông Lê Hoàng P không phải thực hiện cấp dưỡng Lê Hoàng Trâm A, Lê Hoàng Nhựt A.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí: Buộc bà Lê Thanh N nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0000886 ngày 13/12/2021 của Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên bà Lê Thanh N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- UBND phường T, TPVL: 1
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

